**Deadline Team Process**

Admission system

**Contents**

[**List of table** 2](#_Toc372922469)

[**1.** **Revision** 3](#_Toc372922470)

[**2.** **Introduction** 4](#_Toc372922471)

[2.1. Purpose 4](#_Toc372922472)

[2.2. Goal 4](#_Toc372922473)

[**3.** **Development Process** 0](#_Toc372922474)

[3.1 Development Process 0](#_Toc372922475)

[3.2 Development Process Description 0](#_Toc372922476)

[**4.** **Role and Responsibilities** 5](#_Toc372922477)

[4.1 Responsibilities 5](#_Toc372922478)

[4.2 Role 6](#_Toc372922479)

# **List of table**

[Table 1: Revision history 3](#_Toc372922480)

[Table 2: Development Process Description 4](#_Toc372922481)

[Table 3: Responsibilities 5](#_Toc372922482)

[Table 4: Role 6](#_Toc372922483)

# **Revision**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Version** | **Update date** | **Author** | **Content** |
| 1 | 1.0 | 11/20/2013 | Ta Ngoc Thien Phu | Create document |
| 2 | 1.1 | 11/21/2013 | Ta Ngoc Thien Phu | Update document |
| 3 | 1.2 | 11/22/2013 | Ta Ngoc Thien Phu | Update document |

Table 1: Revision history

# **Introduction**

## Purpose

This purpose of this document is show steps by steps that team have to comply to develop Admission System Project

## Goal

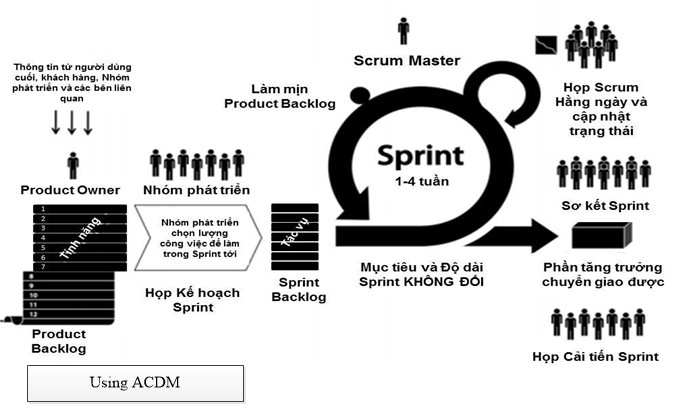
All members can understand about Development Model.

Each members can understand roles in Development Model.

Each members join to each role.

# **Development Process**

## Development Process



*Development Process*

## Development Process Description

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Phase** | **Description** | **Output** | **Phase lead** |
| 1 |  | Người Product Owner sẽ thu thập thông tin từ các end user, khách hang, các bên liên quan để đưa ra Product Backlog  Product Backlog liệt kê tất cả các tính năng (feature), chức năng, yêu cầu, cải thiện, vá lỗi cần thiết để làm nên sản phẩm trong tương lai. Các hạng mục trong Product Backlog được mô tả với các thuộc tính như: mô tả, thứ tự, và ước lượng. | Product Backlog | Product Owner |
| 2 | Thiết kế kiến trúc, sử dụng ACDM | Sử dụng mô hình ACDM để thực hiện việc thiết kế kiến trúc, ACDM bao gồm 7 bước  1/ Khai thác/khám phá các architecture driver từ khách hang  2/ Phân tích và ưu tiên các dữ liệu thu được từ bước 1 để đưa ra được phạm vi dự án và architecture driver  3/ Dựa vào architecture driver thiết kế kiến trúc  4/ Xem xét lại thiết kế kiến trúc để tìm ra issue  5/ Xem xét quyết định thực hiện xây dựng hoặc cần phải thử nghiệm lại  6/ Thử nghiệm  7/ Lập kế hoạch thực hiện Sprint  8/ Phát triển sản phẩm  \*Chi tiết từng bước và các vai trò trong ACDM:  [ AS\_PM\_Architecture Plan.docx ] | Concept Operation document  Architecture driver document  Architecture design document | Scrum Master |
| 3 |  | Công việc trong Sprint được lên kế hoạch trong buổi Họp Kế hoạch Sprint (Sprint Planning Meeting). Kế hoạch cho Sprint được tạo ra nhờ nỗ lực cộng tác của toàn bộ Nhóm Scrum.   * Sprint này phải chuyển giao cái gì? * Làm sao để đạt được điều đó?   Sprint Backlog là tập hợp các hạng mục Product Backlog được lựa chọn để phát triển trong Sprint, kèm theo một kế hoạch để chuyển giao phần tăng trưởng của sản phẩm và hiện thực hóa | Sprint Backlog  Meeting minutes of Sprint planning | Scrum Master |
| 4 | Làm mịn Product Backlog | Việc “làm mịn” (grooming) Product Backlog là hoạt động thêm vào các chi tiết, ước lượng, và trình tự của các hạng mục trong Product Backlog. Đây là quá trình liên tục, theo đó Product Owner và Nhóm Phát triển thảo luận về các chi tiết của từng hạng mục. Trong suốt quá trình làm mịn này, các hạng mục liên tục được xem xét và rà soát cẩn thận. Tuy nhiên, chúng có thể được cập nhật tại bất kì thời điểm nào bởi Product Owner. | Update Product Backlog | Product Owner |
| 5 |  | Mục tiêu Sprint cho phép Nhóm Phát triển có một số sự linh hoạt nhất định về việc phải triển khai các chức năng như thế nào trong suốt Sprint.  Có thể đóng vai trò là một cột mốc (milestone) trong một mục đích lớn hơn trong chặng đường phát triển sản phẩm. | Detail design document  Test document  Sprint Backlog is updated | Scrum Master |
| 6 | Clearly requirement | Đội RE sẽ làm việc với khách hàng để làm rõ yêu cầu, bổ sung yêu cầu còn thiếu hoặc chưa chi tiết | Update sprint Backlog | Scrum Master |
| 7 | Detail design | Dựa vào yêu cầu được làm rõ và bản thiết kế kiến trúc, designer sẽ thiết kế chi tiết cho các tính năng, chức năng  Update lại  Cập nhật Scrum board và burn down. Dựa trên thời gian dự kiến ​​và thời gian thực tế | Detail design document | Scrum Master |
| 8 | Programing | Xây dựng sprint và thực hiện unit test.  Cập nhật Scrum board và burn down. Dựa trên thời gian dự kiến ​​và thời gian thực tế |  | Scrum Master |
| 9 | Testing | Thực hiện integration test và system test cho sprint đang xây dựng  Cập nhật Scrum board và burn down. Dựa trên thời gian dự kiến ​​và thời gian thực tế | Test document | Scrum Master |
| 10 |  | Cuộc họp Scrum Hằng (Daily Scrum) ngày được đóng khung trong 15 phút để Nhóm Phát triển đồng bộ hóa các hoạt động của thành viên và tạo lập kế hoạch cho 24 giờ tiếp theo. Điều này có được nhờ việc thanh tra các công việc kể từ cuộc họp Scrum Hằng ngày trước, và dự báo những công việc sẽ được hoàn thành trước buổi họp lần sau.   * Việc gì đã được thực hiện kể từ lần họp trước? * Việc gì sẽ được hoàn thành trước buổi họp lần sau? * Có vấn đề gì nảy sinh trong quá trình làm việc? | Meeting minutes of Daily Meeting | Scrum Master |
| 11 |  | Buổi Sơ kết Sprint (Sprint Review) được tổ chức khi Sprint kết thúc để rà soát lại phần tăng trưởng vừa làm ra trong Sprint đó, và để thực hiện các biện pháp thích nghi nếu cần. Trong cuộc họp này, Nhóm Scrum và các bên hữu quan sẽ trao đổi với nhau về những gì vừa hoàn thành trong Sprint vừa rồi. Trên cơ sở đó và những sự thay đổi trong Product Backlog trong suốt Sprint, người tham dự cuộc họp sẽ hợp tác để thảo luận về những công việc sắp triển khai. Đây là cuộc họp không trang trọng, và việc trình bày về gói tăng trưởng chủ yếu nhằm mục đích cung cấp các phản hồi hữu ích và khuyến khích sự cộng tác giữa các bên. | Meeting minutes of Sprint Review | Scrum Master |
| 12 |  | Đánh giá, báo cáo. Các cuộc họp để đánh giá công tác thực hiện sau mỗi sprint của các thành viên. Mỗi người sẽ trình bày những gì đạt được, thông tin phản hồi từ khách hàng, xem xét thời gian của sprint. Nhìn lại burn down chart để xác định đầy đủ và nhận được những đóng góp ngoài tiếp tục srpint tiếp theo... | Meeting minutes of Sprint Retrospective | Scrum Master |

Table 2: Development Process Description

# **Role and Responsibilities**

## Responsibilities

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **No** | **Roles** | **Responsibilities** |
| 1 | Scrum Master | * Scrum Master chịu trách nhiệm đảm bảo mọi người hiểu và dùng được Scrum. Scrum Master thực hiện việc này bằng cách đảm bảo Nhóm Scrum tuân các quy tắc của Scrum. Scrum Master là một lãnh đạo, nhưng cũng là đầy tớ của Nhóm Scrum. * Scrum Master giúp đỡ những người ngoài Nhóm Scrum hiểu cách phải tương tác với Nhóm sao cho hiệu quả nhất. Scrum Master giúp đỡ tất cả mọi người thay đổi các mối tương tác này để tối đa hóa giá trị mà Nhóm Scrum tạo ra. |
| 2 | Product Owner | * Product Owner (Chủ sản phẩm) chịu trách nhiệm tối đa hóa giá trị của sản phẩm và công việc của Nhóm Phát triển. Cách thức để đạt được điều đó có thể rất khác nhau giữa các tổ chức, Nhóm Scrum và các cá nhân. * Product Owner là một người chủ yếu chịu trách nhiệm về việc quản lý Product Backlog |
| 3 | Developer | * Đó là nhóm tự tổ chức. Không ai (kể cả Scrum Master) có quyền yêu cầu Nhóm Phát triển làm sao để chuyển Product Backlog thành các phần tăng trưởng có thể chuyển giao được; * Đó là nhóm liên chức năng, với tất cả các kĩ năng cần thiết để tạo ra phần tăng trưởng của sản phẩm; * Scrum không ghi nhận một chức danh nào trong Nhóm Phát triển ngoài Nhà phát triển (Developer), theo tính chất công việc của người này; không có ngoại lệ cho quy tắc này; * Các thành viên Nhóm phát triển có thể có các kĩ năng chuyên biệt và các chuyên môn đặc thù, nhưng họ phải chịu trách nhiệm dưới một thể thống nhất là Nhóm Phát triển. * Nhóm Phát triển không chứa các nhóm con nào khác với các chức năng đặc thù như ‘nhóm kiểm thử’ hay ‘phân tích nghiệp vụ’. |

Table 3: Responsibilities

## Role

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **No** | **Roles** | **Members applied** |
| 1 | Scrum Master | Chau Le |
| 2 | Product Owner | Khang Huynh |
| 3 | Developer | All team |

Table 4: Role